

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TIẾNG TRUNG 3

1. Thông tin chung về Học phần

1.1 Tên học phần: Tiếng Trung 3

- Mã học phần: 191264066

1.2 Số Tín chỉ: 04

1.3 Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ 2, Khoa Trung-Nhật

1.4 Tên giảng viên đảm nhận giảng dạy:

Giảng viên 1

Họ và tên: Hoàng Thị Thảo

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa Trung-Nhật

Điện thoại: 0977.638.986, email: thao.hubthn@gmail.com

Hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ Trung Quốc

Giảng viên 2:

Họ và tên: Đào Hoàng Thảo

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa Trung-Nhật

Điện thoại: 0915.369.588 email: huangcao0412@gmail.com

Hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ Trung Quốc

1.5 Loại học phần: Bắt buộc

1.6 Điều kiện tiên quyết: Không

1.7 Phân bổ thời gian cho các hoạt động giảng dạy:

- Nghe giảng lý thuyết:	60 tiết
- Thảo luận nhóm, bài tập trên lớp:	0
- Tự học:	120 giờ
- Hoạt động khác:	0

2. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

2.1 Mục tiêu chung của Học phần

Nắm vững kiến thức từ vựng và ngữ pháp tiếng Hán, những yếu tố văn hóa chuyển tải trong tiếng Hán và kỹ năng tiếng Hán cơ bản, có khả năng giao tiếp tiếng Hán trong học tập, sinh hoạt và xã giao thông thường theo các tình huống giống như bài học

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần

Mã mục tiêu	Mô tả mục tiêu
G1	<i>Về kiến thức</i> Sau khi học xong học phần này, người học được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết về từ vựng và ngữ pháp tiếng Trung để sinh viên có thể giao tiếp những chủ đề đa dạng hơn trong cuộc sống thường nhật.
G2	<i>Về kỹ năng</i> Có kỹ năng giao tiếp những chủ đề cơ bản đến phức tạp trong cuộc sống.
G3	<i>Về tự chủ, tự chịu trách nhiệm</i> Người học có năng lực xử lý các tình huống trong giao tiếp cơ bản, có tinh thần trách nhiệm và ý thức đóng góp cho tập thể khi tham gia làm việc nhóm.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

a. Về kiến thức

CLO1: nhớ và hiểu được các mẫu câu thường gặp trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của người Trung Quốc.

CLO2: vận dụng được các từ ngữ và kết cấu ngữ pháp cơ bản

CLO3: hiểu biết về văn hóa, thói quen của người Trung Quốc trong giao tiếp những chủ đề cơ bản.

b. Về kỹ năng

CLO4: có kỹ năng nói trước đám đông, với giọng chuẩn, âm vực rõ ràng.

CLO5: có kỹ năng ghi nhớ tốt về hệ thống từ vựng và ngữ pháp trong bài.

CLO6: vận dụng được vốn từ vựng đã có để giao tiếp theo các chủ điểm học tập và sinh hoạt thông thường.

CLO7: Hình thành và phát triển kỹ năng làm việc nhóm

c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CLO8: có năng lực xử lý các tình huống trong giao tiếp cơ bản.

CLO9: có tinh thần trách nhiệm và ý thức đóng góp cho tập thể khi tham gia làm việc nhóm.

4. Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung gồm 9 bài tổng hợp, từ bài 24 quyển 1 hạ đến bài 2 quyển 2 thượng, Giáo trình Hán ngữ, NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh.

Bố cục của bài bao gồm Bài Khóa, Từ mới, Chú thích ngữ pháp, Bài tập. Sinh viên lần lượt tiếp cận các điểm ngữ pháp về động từ năng nguyện; Cách hỏi nguyên nhân; Bỏ ngữ trạng thái; Trợ từ ngữ khí “了”; Phân biệt “在” và “又”; “了” động thái; “因为.....所以.....”; “就和才”; “虽然..但是”; Bỏ ngữ chỉ kết quả “上, 成, 到”; cụm chủ vị làm định ngữ; Bỏ ngữ thời lượng; Cách biểu đạt các con số đại khái; Động từ ly hợp; Câu so sánh hơn, câu so sánh bằng.

Ngoài ra các chủ đề đề cập trong nội dung môn Trung 2 cũng rất phong phú đề cập đến các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày như học tập, hỏi đường, ăn uống, thi cử.....

5. Nội dung chi tiết của Học phần

Nội dung	Đáp ứng CĐR của học phần	Phân bổ thời lượng cho các hoạt động giảng dạy và học tập				
		Thời lượng giảng dạy (Tiết)				Thời gian sinh viên tự học (Giờ)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận nhóm	Thực hành, thí nghiệm, thực tập	
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bài 24: 我想学太极拳 课文(一)我想学太极拳 课文(二)您能不能再说一遍	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	6				12
Bài 25: 她学得很好 课文(一)她学得很好 课文(二)她每天都起得很早	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	6				12
Bài 26: 田芳去哪儿了 课文(一)田芳去哪儿了 课文(二)他又来电话了	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	6				12
Bài 27: 玛丽哭了 课文(一)你怎么了 课文(二)玛丽哭了	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	6				12
Bài 28: 我吃了早饭就来了 课文(一)我吃了早饭就来了 课文(二)我早就下班了	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	6				12
Bài 29: 我都做对了 课文(一)我都做对了 课文(二)看完电影再做作业	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	6				12

		Phân bổ thời lượng cho các hoạt động giảng dạy và học tập				
		Thời lượng giảng dạy (Tiết)				Thời
Bài 30: 我来了两个多月了 Nội dung: 课文(一)我来了两个多月了 课文(二)我每天都练一个小时	Đáp ứng CDR của học phần CLO1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	6				12gian sinh viên tự học
Bài 1: 我比你更喜欢音乐 课文(一)北京比上海大吧 课文(二)我比你更喜欢音乐	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	8				16(Giờ)
Bài 2: 我们那儿的冬天跟北京一样冷 课文(一)我们那儿的冬天跟北京一样冷 课文(二)我跟你不一样	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	8				16
Ôn tập	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	4				8
Tổng cộng		60				120

6. Ma trận chuẩn đầu ra của học phần với CDR của CTĐT

TT	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)
1	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
	CLO 1	PLO2
	CLO 2	PLO2
	CLO3	PLO2
2	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
	CLO4	
	CLO5	
	CLO6	
	CLO7	
3	CDR về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm	
	CLO8	PLO10
	CLO9	PLO10

7. Tài liệu giảng dạy

7.1 Tài liệu chính:

(1) Dương Ký Châu (2016), Giáo trình Hán ngữ tập 1 hạ và tập 2 thượng, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

7.2 Tài liệu tham khảo:

(1) Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình (2010), 301 câu Hội thoại tiếng Trung Quốc, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

8. Nhiệm vụ của giảng viên và sinh viên

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR của CTĐT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Bài 24: 我想学太极拳 Văn hóa Trung Quốc (võ thuật)	6			CLO1,CLO2 CLO3,CLO4 CLO5,CLO6 CLO7,CLO8 CLO9
1.1 Từ mới		Giảng viên dẫn đọc từ mới 1 lần, yêu cầu sinh viên đọc lại và chỉnh sửa lỗi phát âm, sau đó cho sinh viên đặt câu, luyện tập hội thoại với từng từ mới trọng điểm trong bài.	Sinh viên đọc và chuẩn bị trước bài 24. Với mỗi từ mới tự lấy 1 ví dụ	
1.2 Chú thích		giải thích kỹ càng các hiện tượng câu đặc biệt xuất hiện trong bài như: 您能不能再说一遍;从...到	Sinh viên đọc ví dụ, ghi chép và thực hành theo	
1.3 Ngữ pháp		giảng động từ năng nguyện, cách hỏi nguyên nhân, sau đó yêu cầu sinh viên làm bài tập liên quan đến nội dung ngữ pháp.	Sinh viên ghi chép, thực hành và làm bài tập mô phỏng các hiện tượng ngữ pháp	

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của CTĐT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.4 Bài khóa		我想学太极拳;你能不能再说一遍. Dẫn đọc bài khóa, lập 2 sinh viên một nhóm mô phỏng hội thoại theo bài khóa.	Tự nghe bài khóa trước ở nhà. Đóng vai đọc bài khóa theo sự hướng dẫn của giảng viên	
1.5 Bài tập		Hướng dẫn và sửa cách phát âm cho sinh viên, yêu cầu sinh viên làm bài tập trong sách giáo khoa sau đó giáo viên chữa bài cho sinh viên.	Sinh viên làm một số bài tập trên lớp và bài tập về nhà theo sự phân công của giảng viên	
Bài 25: 她学得很好 Học tập	6			CLO1,CLO2 CLO3,CLO4 CLO5,CLO6 CLO7,CLO8 CLO9
1.1 Từ mới		Giảng viên dẫn đọc từ mới 1 lần, yêu cầu sinh viên đọc lại và chỉnh sửa lỗi phát âm, sau đó cho sinh viên đặt câu, luyện tập hội thoại với từng từ mới trọng điểm trong bài.	Sinh viên đọc và chuẩn bị trước bài 25. Với mỗi từ mới tự lấy 1 ví dụ	
1.2 Chú thích		giải thích kỹ càng các hiện tượng câu đặc biệt xuất hiện trong bài như: 哪里;你看她太极拳打得怎么样;打得可以	Sinh viên đọc ví dụ, ghi chép và thực hành theo	

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của CTĐT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.3 Ngữ pháp		giảng bỏ ngữ chỉ trạng thái, trình độ, sau đó yêu cầu sinh viên đặt câu và làm bài tập liên quan đến điểm ngữ pháp này.	Sinh viên ghi chép, thực hành và làm bài tập mô phỏng các hiện tượng ngữ pháp	
1.4 Bài khóa		她学得很好;他每天都起得很早。 Dẫn đọc bài khóa, lập 2 sinh viên một nhóm mô phỏng hội thoại theo bài khóa.	Tự nghe bài khóa trước ở nhà. Đóng vai đọc bài khóa theo sự hướng dẫn của giảng viên	
1.5 Bài tập		Hướng dẫn và sửa cách phát âm cho sinh viên, yêu cầu sinh viên làm bài tập trong sách giáo khoa sau đó giáo viên chữa bài cho sinh viên.	Sinh viên làm một số bài tập trên lớp và bài tập về nhà theo sự phân công của giảng viên	
Bài 26: 田芳去哪儿了 Giao thông, đi lại	6			CLO1,CLO2 CLO3,CLO4 CLO5,CLO6 CLO7,CLO8 CLO9
1.1 Từ mới		Giảng viên dẫn đọc từ mới 1 lần, yêu cầu sinh viên đọc lại và chỉnh sửa lỗi phát âm, sau đó cho sinh viên đặt câu, luyện tập hội thoại với từng từ mới trọng điểm trong bài.	Sinh viên đọc và chuẩn bị trước bài 26. Với mỗi từ mới tự lấy 1 ví dụ	

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của CTĐT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.2 Chú thích		giải thích kỹ càng các hiện tượng câu đặc biệt xuất hiện trong bài như: 你给我打电话了吗;你不是要上托福班吗;是不是	Sinh viên đọc ví dụ, ghi chép và thực hành theo	
1.3 Ngữ pháp		giảng trợ từ ngữ khí “了”, phân biệt cách dùng của 在 và 又 sau đó yêu cầu sinh viên luyện các dạng bài liên quan đến điểm ngữ pháp	Sinh viên ghi chép, thực hành và làm bài tập mô phỏng các hiện tượng ngữ pháp	
1.4 Bài khóa		田芳去哪儿了;他又来电话了. Dẫn đọc bài khóa, lập 2 sinh viên một nhóm mô phỏng hội thoại theo bài khóa.	Tự nghe bài khóa trước ở nhà. Đóng vai đọc bài khóa theo sự hướng dẫn của giảng viên	
1.5 Bài tập		Hướng dẫn và sửa cách phát âm cho sinh viên, yêu cầu sinh viên làm bài tập trong sách giáo khoa sau đó giáo viên chữa bài cho sinh viên.	Sinh viên làm một số bài tập trên lớp và bài tập về nhà theo sự phân công của giảng viên	
Bài 27: 玛丽哭了 Sinh hoạt đời thường	6			CLO1,CLO2 CLO3,CLO4 CLO5,CLO6 CLO7,CLO8 CLO9
1.1 Từ mới		Giảng viên dẫn đọc từ mới 1 lần, yêu cầu	Sinh viên đọc và chuẩn bị trước bài 27.	

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của CTĐT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		sinh viên đọc lại và chỉnh sửa lỗi phát âm, sau đó cho sinh viên đặt câu, luyện tập hội thoại với từng từ mới trọng điểm trong bài.	Với mỗi từ mới tự lấy 1 ví dụ	
1.2 Chú thích		giải thích kỹ càng các hiện tượng câu đặc biệt xuất hiện trong bài như: 怎么了;就吃了一些鱼和牛肉;别难过了;跳跳舞	Sinh viên đọc ví dụ, ghi chép và thực hành theo	
1.3 Ngữ pháp		giảng sự hoàn thành của động tác: V+了, cặp quan hệ từ “bởi vì, cho nên”, sau đó yêu cầu sinh viên luyện tập các điểm ngữ pháp liên quan.	Sinh viên ghi chép, thực hành và làm bài tập mô phỏng các hiện tượng ngữ pháp	
1.4 Bài khóa		你怎么了;玛丽哭了. Dẫn đọc bài khóa, lập 2 sinh viên một nhóm mô phỏng hội thoại theo bài khóa.	Tự nghe bài khóa trước ở nhà. Đóng vai đọc bài khóa theo sự hướng dẫn của giảng viên	
1.5 Bài tập		Hướng dẫn và sửa cách phát âm cho sinh viên, yêu cầu sinh viên làm bài tập trong sách giáo khoa sau đó giáo viên chữa bài cho sinh viên.	Sinh viên làm một số bài tập trên lớp và bài tập về nhà theo sự phân công của giảng viên	

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR của CTĐT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Bài 28: 我吃了早饭就来了 Ăn uống, nhà ở	6			CLO1,CLO2 CLO3,CLO4 CLO5,CLO6 CLO7,CLO8 CLO9
1.1 Từ mới		Giảng viên dẫn đọc từ mới 1 lần, yêu cầu sinh viên đọc lại và chỉnh sửa lỗi phát âm, sau đó cho sinh viên đặt câu, luyện tập hội thoại với từng từ mới trọng điểm trong bài.	Sinh viên đọc và chuẩn bị trước bài 28. Với mỗi từ mới tự lấy 1 ví dụ	
1.2 Chú thích		giải thích kỹ càng các hiện tượng câu đặc biệt xuất hiện trong bài như: 这几套房子, 厨房, 卧室还可以, 但是客厅面积小了点儿; 我还是想要上下午都有阳光的	Sinh viên đọc ví dụ, ghi chép và thực hành theo	
1.3 Ngữ pháp		giảng cách phân biệt phó từ “đã” và “mới”, cấu trúc “nếu.....thì..”, “tuy....., nhưng”, sau đó yêu cầu sinh viên luyện tập.	Sinh viên ghi chép, thực hành và làm bài tập mô phỏng các hiện tượng ngữ pháp	
1.4 Bài khóa		我吃了早饭就来了; 我早就下班了. Dẫn đọc bài khóa, lập 2 sinh viên một nhóm	Tự nghe bài khóa trước ở nhà.	

9. Phương pháp giảng dạy và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

9.1. Phương pháp giảng dạy học phần.

Phương pháp giảng dạy	Đáp ứng CDR của học phần
1. Thuyết giảng	CLO1, CLO2
2. Đặt và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2
3. Thảo luận nhóm	CLO1, CLO2, CLO4
4. Giải thích cụ thể	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
5. Hướng dẫn cách đọc tài liệu	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
6. Tự nghiên cứu	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
7. Thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO9
8. Trả lời câu hỏi, phát biểu, trao đổi ý kiến xây dựng bài	CLO5, CLO6
9. Nghe giảng, ghi bài	CLO1, CLO2
10. Làm bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6

9.2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

BẢNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp/ hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm đánh giá	Hệ số	Đáp ứng CDR học phần	Trọng số
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Điểm chuyên cần	Đánh giá mức độ chuyên cần	- Thời gian lên lớp nghe giảng - Tinh thần thái độ học tập	Toàn bộ các tuần	1		

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp/ hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm đánh giá	Hệ số	Đáp ứng CDR học phần	Trọng số
			- Mức độ tham gia các hoạt động semina, làm bài tập...				40%
	A1.2. Bài kiểm tra 1	Vấn đáp	- Nội dung kiến thức - Phương pháp trình bày	Tuần thứ 5		CLO1,2,3, 4,5,6,7	
	A1.3. Bài kiểm tra 2	Trắc nghiệm	- Mức độ chuẩn bị câu hỏi trắc nghiệm - Thái độ nghiêm túc tham gia kỳ thi	Tuần thứ 12		CLO1,2,3, 5,6,7	
A2. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Trắc nghiệm	- Mức độ chuẩn bị câu hỏi trắc nghiệm - Thái độ nghiêm túc tham gia kỳ thi	Tuần thứ 17	1	CLO1,2,3, 5,6,7	60%

10. Thông tin về người biên soạn:

STT	Họ và tên	Học hàm/ học vị	Ghi chú
1	Hoàng Thị Thảo	Thạc sỹ	

PHÊ DUYỆT

**Giảng viên biên soạn
(Hoặc Trưởng Bộ môn phụ trách học phần)**

PCN Khoa Trung-Nhật

Ths. Hoàng Thị Thảo

Nguyễn Nho Ân

Chủ nhiệm khoa Môi trường

TS. Đỗ Văn Sáng